

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**CỬ NHÂN QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**  
*(Dành cho sinh viên từ khóa 62)*

**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC**  
**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**  
**NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
**MÃ NGÀNH: 7340101**

**HẢI PHÒNG, 9/2021**

## MỤC LỤC

<b>1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>2</b>
1.1. Giới thiệu chương trình	2
1.2. Thông tin chung về chương trình	2
1.3. Triết lý giáo dục	2
1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình	2
1.5. Mục tiêu của chương trình	2
1.6. Kết quả học tập dự kiến	3
1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp	6
1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	7
1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá	8
<b>2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC</b>	
2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức	10
2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ	16
2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa	19
2.4. Tóm tắt các học phần	20

# 1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

## 1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị tài chính kế toán do Khoa Quản trị tài chính xây dựng, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thẩm định và ban hành. Chương trình được định kỳ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa đáp ứng nhu cầu thực tiễn đối với sinh viên tốt nghiệp cũng như đáp ứng đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Người học khi tham gia chương trình được đào tạo không chỉ về kiến thức mà còn được rèn luyện cả về kỹ năng, thái độ đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam cũng như một số yêu cầu quốc tế khác đối với năng lực của người lao động trong thế kỷ 21.

## 1.2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình:	CTĐT cử nhân <b>Quản trị tài chính kế toán</b>
Cơ quan/Viện trao bằng cấp:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Các đơn vị tham gia giảng dạy:	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
Chứng nhận chuyên môn:	Bằng đại học
Học vị sau tốt nghiệp:	Cử nhân
Mô hình học tập:	Toàn thời gian
Tổng số tín chỉ:	123
Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
Thời lượng đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
Website:	<a href="http://vimaru.edu.vn">http://vimaru.edu.vn</a>
Cập nhật lần cuối:	Tháng 9/2021

## 1.3. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”.

## 1.4. Nhiệm vụ/sứ mạng của chương trình

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển và công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế nói chung.

## 1.5. Mục tiêu của chương trình

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị Tài chính Kế toán một cách toàn diện trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế về giáo dục đại học, đó là sự kết hợp giữa các mặt: kiến thức, kỹ

năng, năng lực thực hành và phẩm chất đạo đức. Sinh viên ra trường có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có ý thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

Chương trình trang bị kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết cho nguồn lao động trong lĩnh vực tài chính, kế toán. Đào tạo chuyên sâu các kiến thức về tài chính, quản trị tài chính doanh nghiệp, kế toán, kiểm toán, giúp sinh viên có thể nắm vững quy trình hạch toán kế toán, am hiểu các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính doanh nghiệp, các quy định của luật thuế.

Sinh viên ra trường có tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức tốt, có kỹ năng giao tiếp và làm việc hiệu quả, có khả năng giao tiếp và làm việc bằng tiếng Anh.

#### 1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình

Mã số	Nội dung	TĐNL
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH</b>	
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức cơ bản</b>	
1.1.1	Kiến thức về triết học và tư tưởng Hồ Chí Minh	3.0
1.1.1.1	<i>Có khả năng hiểu và tiếp nhận, phản hồi hệ thống những quan điểm về tự nhiên và về xã hội, làm sáng tỏ nguồn gốc, động lực, những quy luật chung của sự vận động, phát triển của tự nhiên và của xã hội loài người.</i>	3.0
1.1.1.2	<i>Có khả năng hiểu về các phương thức sản xuất, học thuyết kinh tế từ đó hình thành năng lực tư duy lý luận, tư duy độc lập trong phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị - xã hội</i>	3.0
1.1.1.3	<i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh từ đó góp phần xây dựng nền tảng con người mới.</i>	3.0
1.1.1.4	<i>Có khả năng hiểu biết về các kiến thức cơ bản có hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam từ đó ý thức được trách nhiệm công dân của mình đối với công</i>	3.0

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
	<i>cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng</i>	
1.1.1.5	<i>Có khả năng áp dụng các hiểu biết về lý luận kinh tế, chính trị, xã hội giải thích lý luận của chủ nghĩa Mác – Lê nin về chủ nghĩa xã hội</i>	3.0
1.1.2	Kiến thức cơ bản về toán học và định lượng trong kinh tế	3.0
1.1.2.1	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về toán học tối ưu</i>	3.0
1.1.2.2	<i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về xác suất và quy luật phân bố xác suất</i>	3.0
1.1.3	Kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế	3.0
1.1.3.1	<i>Có hiểu biết cơ bản về hệ thống pháp luật kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	3.0
1.1.3.2	<i>Nắm được địa vị các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế quốc dân</i>	3.0
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>	
<b>1.2.1</b>	<b>Kiến thức về kinh tế</b>	
1.2.1.1	Kinh tế vi mô <i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm cơ bản về khoa học kinh tế, lý thuyết cung cầu, lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và hành vi của người sản xuất</i> <i>Có hiểu biết cơ bản về các cấu trúc của thị trường, các thất bại thị trường và các biện pháp khắc phục của Chính phủ</i>	2.5
1.2.1.2	Kinh tế vĩ mô <i>Có hiểu biết mang tính hệ thống về những khái niệm, cách tính toán và ý nghĩa của các biến số kinh tế vĩ mô</i> <i>Có hiểu biết cơ bản về những chính sách của chính phủ và tác động của chúng đến nền kinh tế.</i>	2.5
1.2.1.3	Nguyên lý thống kê <i>Có những hiểu biết mang tính hệ thống về các nguyên tắc, nguyên lý thống kê, các bảng biểu thống kê thường gặp trong thực tiễn.</i> <i>Có khả năng áp dụng, xây dựng và cung cấp các phương pháp phân tích đánh giá mặt lượng các hoạt động kinh tế - xã hội của các tổ chức, đơn vị.</i>	3.0
1.2.1.4	Kinh tế lượng	3.0

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
	<p><i>Có khả năng hiểu biết mang tính hệ thống những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng, các bước tiến hành để đi lượng hóa mối quan hệ giữa các biến kinh tế, hiểu thế nào là phân tích hồi quy.</i></p> <p><i>Có hiểu biết cơ bản về hàm hồi quy đơn, hàm hồi quy bội, hàm hồi quy biến giả.</i></p>	
<b>1.2.2</b>	<b>Kiến thức về quản trị kinh doanh</b>	<b>2.0 - 3.0</b>
1.2.2.1	<p>Giới thiệu ngành</p> <p><i>Hiểu được một số kiến thức, kỹ năng cơ bản, thái độ, đạo đức nghề nghiệp của ngành quản trị kinh doanh</i></p>	2.0
1.2.2.2	<p>Quản trị doanh nghiệp</p> <p><i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về phương pháp quản lý của nhà quản trị và các nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp như: hoạch định, nhân sự, chi phí và kết quả, kiểm soát.</i></p> <p><i>Có khả năng xác định đúng mức độ quan trọng của các phương pháp quản lý ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh để mang lại thành công cho doanh nghiệp.</i></p>	2.5
1.2.2.3	<p>Marketing căn bản</p> <p><i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức Marketing, nghiên cứu thị trường, phân tích được hành vi người tiêu dùng, phân đoạn thị trường, các chiến lược Marketing trong doanh nghiệp: chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.</i></p> <p><i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức đã học để lập kế hoạch Marketing cho một doanh nghiệp</i></p>	3.0
1.2.2.4	<p>Quản trị học</p> <p><i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về bản chất của quản trị, vai trò các nhà quản trị, các chức năng của quản trị bao gồm: hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm tra.</i></p> <p><i>Có khả năng hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề quản trị trong tổ chức.</i></p>	3.0
<b>1.2.3</b>	<b>Kiến thức về tài chính, kế toán</b>	<b>2.5 – 3.5</b>

Mã số	Nội dung	TĐNL
1.2.3.1	<p>Tài chính tiền tệ</p> <p><i>Có khả năng hiểu và vận dụng các lý luận nền tảng về tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, làm tiền đề để nghiên cứu các môn nghiệp vụ thuộc khối ngành Kinh tế và Tài chính Kế toán, bao gồm các kiến thức chung về thị trường tài chính, tài chính doanh nghiệp, giá trị thời gian của tiền, các định chế tài chính và quá trình cung ứng tiền tệ.</i></p>	2.5
1.2.3.2	<p>Thuế vụ</p> <p><i>Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức chung về thuế và nội dung cơ bản của chính sách thuế hiện hành. Học phần giúp sinh viên hiểu và vận dụng được cách tính các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần đề cập tới các nội dung: Đại cương về thuế; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế bảo vệ môi trường; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.</i></p>	2.5
1.2.3.3	<p>Nguyên lý kế toán</p> <p><i>Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp</i></p> <p><i>Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để làm các công việc kế toán đơn giản, các định khoản đơn giản, lập báo cáo tài chính</i></p>	3.0
1.2.3.4	<p>Thị trường chứng khoán</p> <p><i>Có khả năng hiểu được tổng quan về thị trường chứng khoán thế giới cũng như của Việt Nam</i></p> <p><i>Có khả năng hiểu cách tính cũng như ý nghĩa của các chỉ số: thu nhập một cổ phiếu thường, hệ số P/E, giá trị sổ sách một cổ phiếu thường...</i></p> <p><i>Có khả năng hiểu và vận dụng các kiến thức đã học để giao dịch chứng khoán</i></p>	3.0
1.2.3.5	<p>Nguyên lý bảo hiểm</p> <p><i>Có khả năng hiểu kiến thức về những vấn đề cơ bản về Bảo hiểm và các quy định trong các hợp đồng bảo hiểm. Từ đó vận dụng trong hoạt động đàm phán, ký kết hợp đồng bảo hiểm dưới góc độ nhà đầu tư cá nhân và tổ chức kinh doanh (doanh nghiệp). Vận dụng nguyên tắc bồi thường, điều kiện bảo hiểm để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các hợp đồng bảo hiểm.</i></p>	3.0

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
1.2.3.6	<p><b>Nghiệp vụ ngân hàng</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu và áp dụng kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ ngân hàng thương mại như: cho thuê tài chính, chiết khấu giấy tờ có giá, bảo lãnh ngân hàng, bao thanh toán, tài trợ xuất nhập khẩu và các dịch vụ ngân hàng khác tạo điều kiện cho sinh viên khi tốt nghiệp ra trường dễ dàng tiếp cận với môi trường làm việc tại các ngân hàng, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính.</i></p>	3.0
1.2.3.7	<p><b>Kế toán quản trị</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu được công việc cơ bản của người kế toán quản trị trong doanh nghiệp, nắm rõ cách phân chia các loại chi phí đặc thù của kế toán quản trị: biến phí, định phí, chi phí hỗn hợp, chi phí cơ hội</i></p> <p><i>Có khả năng hiểu và biết cách vận dụng các cách tính giá bán theo phương pháp trực tiếp, phương pháp toàn bộ, Lập các báo cáo cơ bản như báo cáo kết quả kinh doanh dạng lãi trên biến phí và từ đó đưa ra các phương án làm tối đa hóa lợi nhuận, Tư vấn cho chủ doanh nghiệp trong việc đưa ra các quyết định ngắn hạn.</i></p>	3.0
1.2.3.8	<p><b>Toán tài chính</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu và sử dụng các công cụ toán học nhằm giải quyết những vấn đề liên quan đến tài chính và ngân hàng nói chung. Xây dựng một cách có hệ thống các công thức, phương trình để xử lý các bài toán liên quan đến tài chính như: tính tiền lãi, định giá các công cụ tài chính, thẩm định dự án đầu tư, đánh giá tình hình tài chính của một công ty, việc thanh toán các khoản nợ thông thường, đặc biệt áp dụng được trên thị trường chứng khoán.</i></p>	3.0
1.2.3.9	<p><b>Kế toán doanh nghiệp 1</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu được công việc cơ bản của hoạt động kế toán trong doanh nghiệp. Có khả năng hiểu và vận dụng cách lập chứng từ, luân chuyển chứng từ, vào sổ sách kế toán, hạch toán các phần hành kế toán vốn bằng tiền, hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản thanh toán, các khoản đầu tư, doanh thu, chi phí và xác định kết quả.</i></p>	3.0
1.2.3.10	<p><b>Kế toán doanh nghiệp 2</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu được công việc cụ thể của hoạt động kế toán trong doanh nghiệp. Có khả năng hiểu và vận dụng cách lập chứng từ, luân</i></p>	3.0



Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>chuyển chứng từ, vào sổ sách kế toán, hạch toán các phần hành kế toán các khoản thanh toán, các khoản đầu tư, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.</i>	
1.2.3.11	<p><b>Kế toán ngân hàng</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu và áp dụng các nghiệp vụ cơ bản của Ngân hàng thương mại. Có khả năng hiểu và áp dụng nghiệp vụ kế toán huy động vốn, kế toán tín dụng, kế toán thanh toán qua ngân hàng, kế toán ngoại tệ, kinh doanh vàng, thanh toán quốc tế, kế toán thu nhập, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</i></p>	3.0
1.2.3.12	<p><b>Kế toán máy</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu được ưu nhược điểm và nguyên tắc hoạt động của một số phần mềm kế toán máy hiện tại. Có khả năng hiểu và biết cách hạch toán như kế toán viên trên phần mềm kế toán về các phân hệ: mua hàng, bán hàng, kho, quỹ, ngân hàng, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, thuế, tổng hợp. Hiểu rõ cách lập và kiểm tra các báo cáo tài chính.</i></p>	3.0
1.2.3.13	<p><b>Quản trị tài chính</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức kiến thức cơ bản về Tài chính và quản trị Tài chính doanh nghiệp, những phương pháp luận về công tác quản trị các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như tài sản, vốn, quản trị luồng tiền vào và ra, quản trị thu, chi, lợi nhuận của doanh nghiệp.</i></p>	3.5
1.2.3.14	<p><b>Kiểm toán</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về kiểm toán. Có khả năng nhận dạng các sai sót, đánh giá cơ sở dẫn liệu, lập bút toán điều chỉnh sai sót và lập lại báo cáo tài chính sau kiểm toán.</i></p>	3.0
1.2.3.15	<p><b>Kế toán hành chính sự nghiệp</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu và áp dụng các quy định, thông tư, văn bản hướng dẫn chế độ kế toán HCSN để tra cứu khi cần sử dụng, nắm được đối tượng áp dụng kế toán HCSN. Có khả năng hiểu và áp dụng hệ thống tài khoản, hệ thống sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của các đơn vị HCSN. Có khả năng làm các bài tập về định khoản, ghi sổ, lập báo cáo với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các đơn vị HCSN.</i></p>	3.0

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
1.2.3.16	<p><b>Nghiệp vụ thuế</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu và vận dụng được cách kê khai, nộp các loại thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt; thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân.</i></p>	3.0
1.2.3.17	<p><b>Tài chính quốc tế</b></p> <p><i>Học phần “Tài chính quốc tế” nhằm phát triển khả năng của người học về nhận biết, đánh giá, giải thích, phân tích được sự hình thành và biến động tỷ giá, các mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau trong lĩnh vực tài chính và tiền tệ quốc tế diễn ra sôi động hiện nay giữa các quốc gia. Học phần đề cập tới các nội dung: thị trường tài chính quốc tế với trọng tâm là thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế, chế độ tỷ giá và vai trò của NHTW, các học thuyết xác định tỷ giá (ngang giá sức mua, ngang giá lãi suất), hệ thống tiền tệ quốc tế, khủng hoảng tài chính quốc tế và các vấn đề liên quan đến chu chuyển vốn quốc tế.</i></p>	3.0
1.2.3.18	<p><b>Thẩm định và phân tích tín dụng</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu và vận dụng kiến thức về tổ chức công tác thẩm định tín dụng của ngân hàng thương mại như: thẩm định năng lực pháp lý, năng lực tài chính, thẩm định phương án kinh doanh, tài sản bảo đảm ... là cơ sở đưa ra quyết định cấp tín dụng.</i></p>	3.0
1.2.3.19	<p><b>Quản lý tài chính công</b></p> <p><i>Có khả năng hiểu những kiến thức cơ bản mang tính lý luận về tài chính công và các hoạt động quản lý tài chính công, quản lý thu – chi của ngân sách Nhà nước, tổ chức cân đối ngân sách Nhà nước đã được tổng hợp, hệ thống và cập nhật qua các chính sách, chế độ, các luận cứ khoa học và thực tiễn mới về quản lý tài chính công, đặc biệt trong bối cảnh ở nước ta hiện nay, quản lý tài chính công là vấn đề lớn, phức tạp, chứa đựng nhiều nội dung đang trong quá trình cải cách.</i></p>	3.0
1.2.3.20	<p><b>Thực tập cơ sở ngành</b></p> <p><i>Có khả năng tìm hiểu thực tế và viết báo cáo thực tập</i></p>	2.0
1.2.3.21	<p><b>Thực tập chuyên ngành</b></p>	3.0

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
	<i>Tìm hiểu và viết báo cáo về 1 trong các nghiệp vụ kế toán sau của doanh nghiệp: kế toán vốn bằng tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tập hợp chi phí tính giá thành...</i>	
1.2.3.22	<b>Thực tập tốt nghiệp</b> <i>Tìm hiểu, viết và bảo vệ một trong các chuyên đề: Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tập hợp chi phí tính giá thành... tại một doanh nghiệp cụ thể.</i>	3.5
<b>1.2.4</b>	<b>Kiến thức tự chọn</b>	
1.2.4.1	<b>Anh văn cơ bản 1</b> <i>Học phần Anh văn cơ bản 1 hệ thống lại các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh đơn giản, củng cố từ vựng để phục vụ giao tiếp trong các chủ đề thường ngày, luyện sinh viên khả năng sử dụng các kỹ năng tiếng Anh ở mức độ tối thiểu.</i>	3.0
1.2.4.2	<b>Anh văn cơ bản 2</b> <i>Học phần Anh văn cơ bản 2 tiếp tục củng cố các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh, từ vựng tiếng Anh tổng quát để phục vụ giao tiếp một cách thỏa đáng về những chủ đề hàng ngày.</i>	3.0
1.2.4.3	<b>Anh văn cơ bản 3</b> <i>Học phần Anh văn cơ bản 3 củng cố chuyên sâu các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh, từ vựng tiếng Anh tổng quát để phục vụ giao tiếp một cách thỏa đáng về những chủ đề hàng ngày.</i>	3.0
1.2.4.4	<b>Pháp luật KD thương mại</b> <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về luật thương mại trong hoạt động doanh nghiệp</i>	3.0
1.2.4.5	<b>Phân tích và đầu tư chứng khoán</b> <i>Phân tích chứng khoán là việc dùng các chỉ số, sơ đồ, bảng biểu, các hệ số tài chính để đánh giá hoạt động của TTCK cả về bề rộng cũng như chiều sâu. Việc phân tích chứng khoán cung cấp các thông tin cần thiết cho các nhà đầu tư cũng như các nhà quản lý thị trường, các nhà quản trị doanh nghiệp trong hoạt động của họ trên TTCK</i>	3.0

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
1.2.4.6	<p>Tin học văn phòng</p> <p><i>Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ điều hành Microsoft Windows 7. Hướng dẫn sử dụng bộ công cụ soạn thảo văn bản Word 2010, bảng tính Excel 2010, PowerPoint 2010, khai thác thành thạo mạng Internet.</i></p> <p><i>Có hiểu biết cơ bản về các hoạt động kho hàng. Nắm được các nghiệp vụ tại kho hàng</i></p>	3.0
1.2.4.7	<p>Môi trường và bảo vệ môi trường</p> <p><i>Hiểu được các kiến thức cơ bản về cấu trúc và chức năng của môi trường, các dạng ô nhiễm, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững</i></p> <p><i>Có nhận thức đúng đắn về môi trường, tác động của con người lên các thành phần và chức năng của môi trường, từ đó có thái độ ứng xử đúng trong vấn đề bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.</i></p> <p><i>Nhận diện được các vấn đề môi trường có thể phát sinh trong ngành hàng hải</i></p>	3.0
1.2.4.8	<p>Quản trị nhân lực</p> <p><i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản và có hệ thống về quản trị nhân lực trong các doanh nghiệp tương ứng với 3 giai đoạn: hình thành nguồn nhân lực, duy trì nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực. Có khả năng hiểu và áp dụng những kỹ năng về quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức, mối quan hệ của quản trị nguồn nhân lực với các vấn đề quản trị khác trong tổ chức..</i></p>	3.0
1.2.4.9	<p>Quản lý chất lượng</p> <p><i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về chất lượng và vai trò chất lượng của sản phẩm đối với sự thành công của doanh nghiệp, quản lý chất lượng cũng như tác động của nó đối với sự thành công của các tổ chức và sử dụng được một số kỹ thuật để kiểm soát và cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ, chất lượng quá trình, chất lượng hệ thống quản lý.</i></p> <p><i>Có khả năng lựa chọn và lập được kế hoạch triển khai một hệ thống quản lý chất lượng thích hợp cho tổ chức.</i></p>	3.0
1.2.4.10	<p>Tổ chức công tác kế toán</p> <p><i>Có khả năng hiểu được công tác kế toán cho một doanh nghiệp. Có khả năng hiểu và áp dụng tổ chức công tác chứng từ, hệ thống sổ kế</i></p>	3.5

<b>Mã số</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TĐNL</b>
	<i>toán, hệ thống báo cáo kế toán, kiểm tra kế toán, bộ máy kế toán và khoa học kế toán</i>	
1.2.4.11	<b>Văn hoá doanh nghiệp</b> <i>Có khả năng hiểu và áp dụng các kiến thức về các bộ phận cấu thành văn hóa doanh nghiệp, cơ sở và biện pháp xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nội dung quản lý thay đổi văn hóa doanh nghiệp</i> <i>Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện xây dựng nội dung văn hóa doanh nghiệp tại một công ty.</i>	3.0
1.2.4.12	<b>Đồ án tốt nghiệp</b> <i>Viết một bài khoá luận tốt nghiệp trong các chuyên đề: đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, kế toán vốn bằng tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán tập hợp chi phí tính giá thành...</i>	3.0
1.2.4.13	<b>Quan hệ kinh tế thế giới</b> <i>Hiểu và vận dụng các kiến thức liên quan tới hoạt động ngoại thương, di chuyển vốn, lao động giữa các quốc gia, các tổ chức/hiệp hội thương mại quốc tế...</i>	3.0
1.2.4.14	<b>Kinh tế công cộng</b> <i>Hiểu kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của chính phủ song song với các lý thuyết về phân phối nguồn lực một cách hiệu quả. Nghiên cứu các dạng thất bại thị trường bao gồm thất bại về tính hiệu quả trong sử dụng nguồn lực, thất bại về phân phối thu nhập, sự bất ổn mang tính chất chu kỳ của nền kinh tế cũng như vấn đề ra quyết định trong khu vực công cộng.</i>	3.0
1.2.4.15	<b>Kỹ năng mềm 1</b> <i>Hiểu các kiến thức cơ bản về nguyên tắc, quy trình trong giao tiếp. Nắm được các phương pháp thuyết trình hiệu quả, sinh động, lôi cuốn. Trang bị các kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề trong quá trình làm việc nhóm. Qua đó ứng dụng các kiến thức đã học trong công việc và cuộc sống.</i>	3.0
1.2.4.16	<b>Kỹ năng mềm 2</b> <i>Hiểu các kiến thức cơ bản về nguyên tắc, quy trình trong giao tiếp. Nắm được các phương pháp thuyết trình hiệu quả, sinh động, lôi cuốn.</i>	3.0

Mã số	Nội dung	TĐNL
	<i>Trang bị các kỹ năng xử lý tình huống, giải quyết vấn đề trong quá trình làm việc nhóm. Qua đó ứng dụng các kiến thức đã học trong công việc và cuộc sống.</i>	
1.2.4.17	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Kế toán <i>Có khả năng sử dụng thành thạo những thuật ngữ chuyên ngành về tài chính, kế toán bằng tiếng Anh</i>	3.5
1.2.4.18	Phân tích báo cáo tài chính <i>Có khả năng hiểu và sử dụng các phương pháp và các kiến thức về lĩnh vực kinh tế để đánh giá khách quan về sức mạnh tài chính của doanh nghiệp, khả năng sinh lời và triển vọng phát triển SXKD của doanh nghiệp.</i>	4.0

### Thang trình độ năng lực và phân loại học tập

Thang TĐNL	PHÂN LOẠI HỌC TẬP		
	Lĩnh vực Kiến thức (Bloom, 1956)	Lĩnh vực Thái độ (Krathwohl, Bloom, Masia, 1973)	Lĩnh vực Kỹ năng (Simpson, 1972)
1. <i>Có biết hoặc trải qua</i>			1. Khả năng Nhận thức 2. Khả năng Thiết lập
2. Có thể tham gia vào và đóng góp cho	1. Khả năng Nhớ	1. Khả năng Tiếp nhận hiện tượng	3. Khả năng Làm theo hướng dẫn
3. Có thể hiểu và giải thích	2. Khả năng Hiểu	2. Khả năng Phản hồi hiện tượng	4. Thuần thực
4. Có kỹ năng thực hành hoặc triển khai trong	3. Khả năng Áp dụng 4. Khả năng Phân tích	3. Khả năng Đánh giá	5. Thành thạo kỹ năng phức tạp 6. Khả năng Thích ứng
5.	5. Khả năng Tổng hợp 6. Khả năng Đánh giá	4. Khả năng Tổ chức 5. Khả năng Hành xử	7. Khả năng Sáng chế

Có thể <i>dẫn</i> <i>dắt</i> hoặc <i>sáng tạo</i> trong			
--	--	--	--

### **1.7. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp**

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc trong các lĩnh vực về tài chính, kế toán, cụ thể như: Kế toán tại các loại hình doanh nghiệp, công tác tại Phòng kế hoạch tài chính ở các đơn vị hành chính sự nghiệp, ngoài ra có thể làm tại các đơn vị kiểm toán, công ty chứng khoán hoặc công ty bảo hiểm.

### **1.8. Tiêu chuẩn nhập học, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

#### **1.8.1. Tiêu chuẩn nhập học**

1. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tuyển sinh đại học theo đề án tuyển sinh được Hội đồng trường thông qua và công khai hàng năm. Đề án tuyển sinh của Nhà trường tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

2. Các thí sinh đăng ký xét tuyển theo các phương thức xét tuyển khác nhau phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, thực hiện đăng ký đúng theo đề án tuyển sinh và thông báo tuyển sinh của Nhà trường. Sau thời hạn nộp hồ sơ đăng ký, Nhà trường sẽ xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển.

3. Thí sinh trúng tuyển nhập học theo các quy định, hướng dẫn của Nhà trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi hoàn thành thủ tục nhập học, các sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình đào tạo của Nhà trường.

#### **1.8.2. Quy trình đào tạo**

Nhà trường tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. Hoạt động đào tạo được tổ chức như sau:

- Một năm học gồm 03 học kỳ: học kỳ I, II và học kỳ phụ ngoài thời gian nghỉ hè.
- Học kỳ phụ có 6 - 7 tuần bao gồm cả thời gian học và thi, dành cho sinh viên học lại, học chậm tiến độ, học cải thiện điểm trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và không miễn giảm học phí. Các học phần thực tập cũng được bố trí trong học kỳ phụ.
- Học kỳ I và II có nhiều nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi là các học kỳ bắt buộc sinh viên phải đăng ký khối lượng học tập và được miễn giảm học phí theo quy định.
- Trong thời gian nghỉ hè (06 tuần), Nhà trường có thể bố trí các học phần thực tập giữa khóa, thực tập tốt nghiệp và các trường hợp đặc biệt khác.

- Thời khóa biểu của các lớp học phần được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

Trước khi các học kỳ bắt đầu, sinh viên đăng ký học phần học tập của từng kỳ, đóng học phí. Mỗi sinh viên sẽ có một thời khóa biểu riêng tùy thuộc vào kết quả đăng ký học phần. Sinh viên đi học theo thời khóa biểu đã đăng ký và thực hiện hoạt động học tập theo hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình học tập và kỳ thi cuối kỳ, giảng viên sẽ đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập từng học phần của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo và công bố cho sinh viên tra cứu trên website của Trường. Khi sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo thì Nhà trường sẽ tổ chức xét và công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

### ***1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp***

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo chuyên ngành.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

d) Đạt các học phần hoặc có chứng chỉ GDQP-AN và GDTC.

e) Đạt các điều kiện của chuẩn đầu ra về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học và điểm rèn luyện.

g) Có đơn gửi Khoa/Viện đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

## **1.9. Các chiến lược dạy - học và phương pháp đánh giá**

### ***1.9.1. Các chiến lược dạy - học***

Chiến lược dạy và học của Nhà trường bám sát triết lý giáo dục: “Trí tuệ - Sáng tạo - Trách nhiệm - Nhân văn”. Nhà trường khuyến khích giảng viên phát huy tiềm năng trí tuệ, không ngừng đổi mới sáng tạo, nâng cao ý thức trách nhiệm và đề cao giá trị nhân văn trong tổ chức và triển khai các hoạt động dạy - học nhằm mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, thực hiện các chiến lược dạy - học sau:

- Thực hiện đào tạo tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ; học tập kết hợp với trải nghiệm trong chương trình đào tạo;

- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, học tập chủ động;

- Lượng hóa đánh giá kết quả học tập đáp ứng chuẩn đầu ra.

### ***1.9.2. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập***

#### **a. Thành phần điểm đánh giá học phần:**



- Điểm đánh giá học phần gồm các thành phần sau:

**Z:** điểm đánh giá học phần;

**X:** điểm đánh giá trong quá trình học tập. Cách đánh giá điểm X do các bộ môn tự thống nhất.

**Y:** điểm thi, đánh giá kết thúc học phần. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

- Các thành phần điểm đánh giá học phần được thể hiện trong đề cương học phần và được công bố cho người học trong buổi đầu tiên khi thực hiện giảng dạy học phần.

- Đối với các học phần GDQP-AN, GDTC, chỉ đánh giá theo mức **Đạt** và **Không đạt** và không được tính vào điểm tích lũy. *Lưu ý: để được đánh giá Đạt các học phần GDQP-AN, sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian theo kế hoạch học tập và kết quả đánh giá học phần theo thang điểm 10 phải từ 5,0 trở lên.*

- Các phương pháp đánh giá học phần: tùy theo nội dung học tập, kết quả học tập mong đợi của học phần mà giảng viên thiết kế các phương án đánh giá học phần khác nhau. Việc đánh giá kiến thức có thể thực hiện qua các bài kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm ... Thông qua quan sát, theo dõi việc thực hiện qua các bài thực hành, triển khai các hoạt động học tập, nghiên cứu của sinh viên, các bài viết liên hệ thực tiễn ... giảng viên đánh giá kỹ năng, thái độ người học.

## **b. Công thức tính điểm đánh giá học phần**

b.1. Đối với các học phần loại I

$$\mathbf{Z = 0,5X + 0,5Y}$$

Để được dự thi kết thúc học phần, sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần  $X_i \geq 4$ . Trường hợp không đủ điều kiện dự thi thì ghi  $X = 0$  và  $Z = 0$  (không đủ điều kiện dự thi). Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện  $\geq 4$ . Trường hợp  $Y < 4$  thì  $Z = 0$ . Điểm X, Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.2. Đối với các học phần loại II

$$\mathbf{Z = Y}$$

Điểm thi kết thúc học phần (Y) phải đảm bảo điều kiện  $\geq 4$ .

Trường hợp  $Y < 4$  thì  $Z = 0$ . Điểm Y, Z được lấy theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

b.3. Đối với các học phần loại III

$$\mathbf{Z = X}$$

Sinh viên phải đảm bảo tham dự ít nhất 75% thời gian theo kế hoạch học tập và tất cả các điểm thành phần  $X_i \geq 4$ .

**c. Quy trình cho điểm X, Y, Z:**

c.1. Giảng viên có trách nhiệm tính điểm X và thông báo công khai trong buổi học cuối cùng của học phần cho sinh viên. Sinh viên có thể truy cập vào website của Nhà trường để biết kết quả học tập của sinh viên.

c.2. Nhập kết quả đánh giá học phần vào phần mềm quản lý đào tạo

**d. Thang điểm**

Sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ (A, A+, B, B+, C, C+, D, D+, F) và thang điểm 4 để đánh giá kết quả học tập của từng học phần, kết quả học tập hàng kỳ, kết quả học tập tích lũy theo khóa học của sinh viên. Qui đổi điểm giữa các thang điểm thực hiện theo bảng sau:

	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 ÷ 10,0	A+	4,0
	8,5 ÷ 8,9	A	4,0
	8,0 ÷ 8,4	B+	3,5
	7,0 ÷ 7,9	B	3,0
	6,5 ÷ 6,9	C+	2,5
	5,5 ÷ 6,4	C	2,0
	5,0 ÷ 5,4	D+	1,5
	4,0 ÷ 4,9	D	1,0
Không đạt	0 ÷ 3,9	F	0

**2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

**2.1. Cấu trúc chương trình và phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kiến thức**

*Khối lượng kiến thức, kỹ năng, năng lực toàn khóa: 123 TC*

*(Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)*

- a. Khối kiến thức cơ bản: 15 TC
- b. Khối kiến thức cơ sở: 48 TC
- c. Khối kiến thức chuyên ngành: 33 TC
- d. Khối kiến thức tự chọn: 25 TC

*Cấu trúc chương trình đào tạo*

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
<b>I. KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH TÍCH LŨY</b>			<b>12</b>				
<b>I.1. Giáo dục thể chất (không tích lũy)</b>			<b>4</b>				
<b>I.2. Giáo dục quốc phòng (không tích lũy)</b>			<b>8</b>				
<b>II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ BẢN</b>			<b>15</b>				
1	19106	Nguyên lý cơ bản 1	2	1.1.1	T3	1	
2	19109	Nguyên lý cơ bản 2	3	1.1.1	T3	2	19106
3	19201	Tư tưởng HCM	2	1.1.1	T3	2	19106
4	19301	Đường lối CM	3	1.1.1	T3	3	19201
5	18124	Toán chuyên đề	3	1.1.2	T3	1	
6	11401	Pháp luật đại cương	2	1.1.3	T3	2	
<b>III. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ</b>			<b>47</b>				
1	15101	Kinh tế vi mô	3	1.2.1	T2.5	1	
2	15102	Kinh tế vĩ mô	3	1.2.1	T2.5	2	15101
3	28301	Tài chính tiền tệ	3	1.2.3	T2.5	1	
4	28108	Nguyên lý kế toán	3	1.2.3	T3	3	28301
5	28238	Giới thiệu ngành	2	1.2.3	IT2	1	
6	15117	Nguyên lý thống kê	2	1.2.1	T3	3	
7	15105	Kinh tế lượng	3	1.2.1	T3	3	18125
8	28210	Marketing căn bản	3	1.2.2	T3	4	
9	28109	Kế toán doanh nghiệp 1	2	1.2.3	T3	4	28108
10	28103	Thị trường chứng khoán	2	1.2.3	T3	4	15102
11	28307	Thuế vụ	2	1.2.3	T3	3	
12	28214	Quản trị doanh nghiệp	3	1.2.2	T3	5	
13	28201	Quản trị học	2	1.2.4	T3	4	
14	28327	Nguyên lý bảo hiểm	3	1.2.1	T3	5	
15	28309	Toán tài chính	3	1.2.3	T3	4	
16	28342	Nghiệp vụ ngân hàng	3	1.2.3	T3	5	
17	28113	Kế toán quản trị	3	1.2.3	T3	5	28108
18	28241	TT cơ sở ngành	2	1.2.3	U2	5	

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Đáp ứng CDR	TĐNL	Học kỳ	HP học trước
<b>IV. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>33</b>				
1	28129	Kế toán doanh nghiệp 2	3	1.2.3	TU3	6	28119
2	28110	Kế toán ngân hàng	2	1.2.3	TU3	6	28108
3	28106	Kế toán trên máy tính	2	1.2.3	TU3	6	28108
4	28311	Tài chính quốc tế	3	1.2.3	T3	6	
5	28312	Nghiệp vụ thuế	3	1.2.3	TU3	6	28307
6	28343	Quản trị tài chính	5	1.2.3	TU3.5	7	28301
7	28111	Kiểm toán	2	1.2.3	TU3	7	28119
8	28313	Thẩm định và phân tích tín dụng	2	1.2.3	TU3	7	
9	28304	Quản lý tài chính công	2	1.2.3	TU3	7	28301
10	28114	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	1.2.3	TU3	7	28108
11	28352	TT chuyên ngành	2	1.2.3	U3	8	
12	28243	TT tốt nghiệp	4	1.2.3	U3.5	8	
<b>V. KHỐI KIẾN THỨC TỰ CHỌN</b>			<b>25</b>				
1	25101	Anh văn cơ bản 1	3	1.2.4	T3	2	
2	25102	Anh văn cơ bản 2	3	1.2.4	T3	3	
3	25103	Anh văn cơ bản 3	3	1.2.4	T3	4	
4	15103	Kinh tế công cộng	3	1.2.4	T3	2	
5	29101	Kỹ năng mềm 1	2	1.2.4	T3	2	
6	29102	Kỹ năng mềm 2	2	1.2.4	T3	5	
7	11445	Pháp luật trong kinh doanh và thương mại	3	1.2.4	T3	4	
8	17102	Tin học văn phòng	3	1.2.4	T3	1	
9	28125	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Kế toán	2	1.2.4	T3	5	
10	26101	Môi trường và bảo vệ môi trường	2	1.2.4	T3	2	
11	28205	Quản trị nhân lực	3	1.2.4	T3	6	
12	28315	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	1.2.4	T3	6	
13	28324	Khóa luận tốt nghiệp	6	1.2.4	U3.5	8	
14	28127	Tổ chức công tác kế toán	3	1.2.4	TU3.5	8	
15	28239	Văn hóa doanh nghiệp	3	1.2.4	T3	3	

<b>TT</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số TC</b>	<b>Đáp ứng CDR</b>	<b>TĐNL</b>	<b>Học kỳ</b>	<b>HP học trước</b>
16	28221	Quản lý chất lượng	3	1.2.4	T3	4	
17	28340	Phân tích báo cáo tài chính	3	1.2.4	TU3.5	8	
18	15606	Quan hệ kinh tế thế giới	3	1.2.4	T3	1	
		<b>TỔNG</b>	<b>120</b>				

## **2.2. Ma trận phân nhiệm kết quả học tập mong đợi về kỹ năng, thái độ**

**Ma trận các học phần và kỹ năng, thái độ**

		MÔN HỌC	Số TC	2.1		2.2		2.4				2.5		3.1		3.2		3.3				4.1		4.2		4.3		4.4			4.5			4.6				
				2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.4.1	2.4.2	2.4.3	2.4.4	2.5.1	2.5.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.3.1	4.3.2	4.4.1	4.4.2	4.4.3	4.5.1	4.5.2	4.5.3	4.6.1	4.6.2	4.6.3	
1	19101	Triết học MLH	2			TU2							TU2	TU2	TU2																							
	18124	Tuần chuyên đề	3																																			
	15101	Kinh tế vi mô	3	TU2				TU2																														
	28301	Tài chính tiền tệ	3	T2.5	T2.5									T2.0	T2.0																							
	28238	Giới thiệu ngành	2	IT2					IT2		IT2					IT2		IT2	IT2						IT2	I	I	I										
	17102	Tin học văn phòng*	3																																			
	15606	Quan hệ kinh tế thế giới*	3																																			
2	19401	Kinh tế chính trị	2	T3							T3																											
	15104	Huyền lý thống kê	2	U3					U2			U2		T3	T3																							
	11401	Phương pháp luận cơ sở	2									T2																										
	15102	Kinh tế vi mô	3			U2	T2	U2						U2	U2	T3	T3																					
	25101	Ảnh văn cơ bản 1*	3																																			
	15103	Kinh tế công cộng*	3																																			
	29101	Kỹ năng mềm 1*	2																																			
	26101	Môi trường và biến đổi môi trường*	2																																			
3	19501	Chức năng BHXH	2								T3				U3	U3																						
	28108	Huyền lý kế toán	3	TU3	TU3		TU2																															
	15105	Kinh tế lượng	3		TU3										U3																							
	28307	Thủ tục	2																																			
	19302	Lịch sử Đảng CSVN	2						T3																													
	25102	Ảnh văn cơ bản 2*	3																																			
	28239	Văn hóa doanh nghiệp	3																																			
	28210	Marketing căn bản	3			T3									TU3	TU3																						
4	28109	Kế toán doanh nghiệp	2						TU3	TU3	TU3																											
	28103	Tài trường chứng khoán	2																																			
	28211	Quản trị học	2				T3	T3																														
	19201	Tư tưởng HCM	3																																			
	28309	Tuần tài chính	3	T3																																		
	25103	Ảnh văn cơ bản 3*	3																																			
	11445	Phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học	3																																			



*Đánh giá năng lực của sinh viên*

HK	2.1			2.2		2.4				2.5		3.1		3.2		3.3				4.1		4.2		4.3		4.4			4.5			4.6					
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.2.1	2.2.2	2.4.1	2.4.2	2.4.3	2.4.4	2.5.1	2.5.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	3.3.1	3.3.2	3.3.3	3.3.4	2	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.3.1	4.3.2	4.4.1	4.4.2	4.4.3	4.5.1	4.5.2	4.5.3	4.6.1	4.6.2	4.6.3			
1	2		2		2	2	2	2		2		2	2	2	2																						
2	2.5	2.5		2		3	3	3				3	3																								
3	3	3	3																																		
4				3	3				3												2																
5										3										3	3																
6				3.5	3.5	3.5	3.5					3.5												2	2	3	3										
7	3.5		3.5									3.5	3	3								3	3	3	3			3	2.5	2.5	2.5	2	2	2			
8										3																			3	3	3	3	3	3	3	3	3
CDR của CIDT	3.5	3	3.5	3.5	3.5	3	3.5	3	3	3	3	3.5	3.5	3	3	3.5	3.5	3.5	3.5	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	



### 2.3. Kế hoạch học tập toàn khóa

#### Học kỳ I

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>13</b>						
1	18125	Toán chuyên đề	3	45				I	
2	19106	Nguyên lý CB 1	2	30				I	
3	15101	Kinh tế vi mô	3	45				I	
4	28301	Tài chính tiền tệ	3	45				I	
5	28238	Giới thiệu ngành	2	30				I	
<b>Tự chọn</b>			<b>3/6</b>						
1	15640	Quan hệ kinh tế thế giới	3	45				I	
2	17102	Tin học văn phòng	3	45				I	
		<b>TỔNG</b>	<b>16</b>	<b>240</b>					

#### Học kỳ II

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>10</b>						
1	19109	Nguyên lý CB 2	3	45				I	19106
2	19201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30				I	19106
3	11401	Pháp luật đại cương	2	30				I	
4	15102	Kinh tế vĩ mô	3	45				I	15101
<b>Tự chọn:</b>			<b>5/10</b>						
1	25101	Anh văn CB 1	3	45				I	
2	15103	Kinh tế công cộng	3	45				I	
3	29101	Kỹ năng mềm 1	2	30				I	

4	26101	Môi trường và bảo vệ MT	2	30				I	
		<b>TỔNG</b>	<b>15</b>	<b>225</b>					

### Học kỳ III

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH/ XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>13</b>						
1	28108	Nguyên lý kế toán	3	45				I	28301
2	28307	Thuế vụ	2	30				I	
3	28210	Marketing căn bản	3	45				I	
4	15117	Nguyên lý thống kê	2	30				I	18125
5	19301	Đường lối cách mạng của Đảng	3	30				I	19201
<b>Tự chọn</b>			<b>3/6</b>						
1	25102	Anh văn cơ bản 2	3	45				I	
2	28239	Văn hoá doanh nghiệp	3	45				I	
		<b>TỔNG</b>	<b>16</b>	<b>240</b>					

### Học kỳ IV

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH / XM	BTL	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>12</b>						
1	28119	Kế toán DN 1	2	30				I	28108
2	28309	Toán tài chính	3	45				I	
3	28103	Thị trường chứng khoán	2	30				I	15102
4	28201	Quản trị học	2	30				I	
5	15105	Kinh tế lượng	3	45				I	18125
<b>Tự chọn</b>			<b>3/9</b>						

1	25103	Anh văn CB 3	3	45				I	
2	28221	Quản lý chất lượng	3	45				I	
3	11445	Pháp luật KD thương mại	3	45				I	
		<b>TỔNG</b>	<b>15</b>	<b>225</b>					

### Học kỳ V

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH / XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>15</b>						
1	28327	Nguyên lý bảo hiểm	3	45				I	
2	28214	Quản trị doanh nghiệp	3	45				I	
3	28113	Kế toán quản trị	3	45				I	28108
4	28342	Nghiệp vụ ngân hàng	3	45				I	
5	28351	Thực tập cơ sở ngành	3	45				II	
<b>Tự chọn</b>			<b>2/4</b>						
1	28125	Tiếng Anh chuyên ngành TCKT	2	30				I	
2	29102	Kỹ năng mềm 2	2	30				I	
		<b>TỔNG</b>	<b>17</b>	<b>240</b>					

### Học kỳ VI

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH / XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>13</b>						
1	28129	Kế toán doanh nghiệp 2	3	45				I	28119
2	28110	Kế toán ngân hàng	2	30				I	28108
3	28106	Kế toán trên máy tính	2	0	30			I	28108
4	28311	Tài chính quốc tế	3	45				I	

5	28312	Nghiệp vụ thuế	3	45				I	28307
<b>Tự chọn</b>			<b>3/6</b>						
1	28205	Quản trị nhân lực	3	45				I	
2	28315	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	45				I	28103
<b>TỔNG</b>			<b>16</b>	<b>240</b>			<b>30</b>		

### Học kỳ VII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH / XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>14</b>						
1	28343	Quản trị tài chính	5	45			30	I	28301
2	28111	Kiểm toán	2	30				I	28119
3	28313	Thẩm định và phân tích tín dụng	2	30				I	
4	28304	Quản lý tài chính công	2	30				I	28301
5	28114	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	45				I	28108
<b>Tự chọn</b>									
<b>TỔNG</b>			<b>14</b>	<b>180</b>			<b>30</b>		

### Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Tên học phần	TC	LT	TH / XM	BT L	ĐA	Loại HP	HP học trước
<b>Bắt buộc</b>			<b>6</b>						
1	28352	Thực tập chuyên ngành	2	30				II	
2	28323	Thực tập tốt nghiệp	4				60	II	
<b>Tự chọn</b>			<b>6/12</b>						

1	28324	Khoá luận tốt nghiệp QKT	6	90				II	
2	28127	Tổ chức công tác kế toán	3	45				I	28129
3	28340	Phân tích báo cáo tài chính	3	45				I	
		<b>TỔNG</b>	<b>12</b>	<b>120</b>			<b>60</b>		

Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học: bằng thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa nêu trên cộng thêm 03 năm.

#### **2.4. Tóm tắt các học phần**